

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN
MIỀN ĐÔNG AHP**

Số: 10.../2021/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

★

Bình Dương, Ngày 29. tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Mã chứng khoán: BMJ

Địa chỉ trụ sở chính: Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, Bình Dương

Điện thoại: 0274.3688.126

Fax: 0274.3688.125

Người thực hiện CBTT: Ông Nguyễn Bảo Long

Chức vụ: Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố: 24 giờ

bất thường

theo yêu cầu

định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/03/2021 tại đường dẫn: www.becamexbmj.com.vn/#enter/f/enter.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN BẢO LONG

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/3/2021.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động năm 2020.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 4: Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2018-2023).

Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023) và danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị là bà Nguyễn Thị Loan (CMND số: 281131728).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 5: Thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.



- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 6: Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 7: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020:

1. Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc với các chỉ tiêu chính như sau:

▪ Tổng doanh thu:	97.923.607.731 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	25.136.722.329 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	21.612.081.790 đồng

2. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020:

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2020: 9.949.178.753 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2020: 21.612.081.790 đồng

Phân phối lợi nhuận như sau:

▪ Trích lập quỹ đầu tư phát triển (tỷ lệ 10%/LNST):	2.161.208.179 đồng
▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 5%/LNST):	1.080.604.089 đồng
▪ Chi trả cổ tức cho cổ đông (tỷ lệ 5%/Vốn điều lệ):	15.000.000.000 đồng
▪ Thù lao HĐQT, BKS, Tổ thư ký (tỷ lệ 3%/LNST)	648.362.454 đồng

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2021: 12.671.085.821 đồng

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 8: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

▪ Tổng doanh thu:	175.820.000.000 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	43.820.000.000 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	35.056.000.000 đồng

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

▪ Trích lập quỹ đầu tư phát triển:	10%/LNST
▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi:	05%/LNST
▪ Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền:	≥ 10%/Vốn điều lệ

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 9: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 thuộc Danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 10: Thông qua Thay đổi ngành nghề kinh doanh theo nội dung Tờ trình số 06/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 11: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo nội dung Tờ trình số 07/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 12: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo nội dung Tờ trình số 08/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 13: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số 09/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 14: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo nội dung Tờ trình số 10/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 15: Thông qua việc chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP từ sàn Upcom sang niêm yết tại sàn Hose hoặc HNX.

1. Thông qua việc hủy giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP trên hệ thống giao dịch UPCOM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký niêm yết cổ phiếu BMJ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX):

- Tên cổ phiếu: cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Mã chứng khoán: BMJ
- Sàn giao dịch hiện tại: UPCOM
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký hủy giao dịch tại HNX: toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành và đăng ký giao dịch UPCOM
- Số lượng cổ phiếu niêm yết tại HOSE hoặc HNX: toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP tại thời điểm niêm yết.
- Thời gian: Dự kiến trong năm 2021 và sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị thực hiện hủy giao dịch cổ phiếu BMJ tại hệ thống giao dịch UPCOM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký niêm yết cổ phiếu BMJ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) cụ thể như sau:

- Tùy vào thời điểm thực hiện đăng ký niêm yết mà Hội đồng quản trị được quyền quyết định sẽ chọn đăng ký niêm yết tại HOSE hoặc HNX;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn niêm yết;
- Quyết định giá niêm yết phù hợp với hoạt động kinh doanh và giá thị trường;
- Lựa chọn thời điểm cụ thể thuận lợi để đăng ký niêm yết tại HOSE hoặc HNX;
- Quyết định các vấn đề khác mà pháp luật quy định và/hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, bao gồm cả việc thực hiện các thủ tục, ký hồ sơ liên quan theo quy định pháp luật để hoàn tất hủy giao dịch tại HNX và đảm bảo niêm yết thành công cổ phiếu BMJ trên HOSE hoặc HNX.

Nội dung được thông qua tại mục 1 và ủy quyền tại mục 2 nêu trên là không có thời hạn cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác thay thế.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 16: Thông qua Tờ trình “Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ”.

1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu chào bán : 75.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán : 10.000 đồng/01 cổ phiếu.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 750.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua : 1:2,5 (Tại ngày chốt danh sách cổ động để thực hiện quyền, cổ động sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền mua, và cứ 1 quyền mua sẽ được mua thêm 2,5 cổ phiếu chào bán thêm).
- Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ động hiện hữu.
- Đối tượng chào bán : Cổ động có tên trong danh sách cổ động tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- Thời gian dự kiến chào bán : Việc chào bán cho cổ động hiện hữu được tiến hành trong thời hạn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Đại hội đồng cổ động giao Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ động hiện hữu không mua hết cho cổ động của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ động hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng tối thiểu 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.
- Chào mua công khai: Đồng ý cho các nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị) lựa chọn khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ động hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai, kể cả trong các trường hợp sau:
 - Khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (tổ chức, cá nhân và người có liên quan dự kiến mua cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng; hoặc tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty

đại chúng dự kiến mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng).

- Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.

- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị vốn dự kiến sử dụng
1	Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	450.000.000.000 đồng
2	Hợp tác phát triển bất động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên phạm vi cả nước	150.000.000.000 đồng
3	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, hợp đồng ký mới cho các nhà thầu, nhà cung cấp, ngân hàng, đối tác khác, phát triển hoạt động thi công xây dựng hạ tầng cơ sở, dân dụng,...)	150.000.000.000 đồng

Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, Hội đồng quản trị quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành: Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng tỷ lệ dự kiến, Công ty sẽ có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán là cam kết bảo lãnh phát hành của tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị lựa chọn phương thức bảo lãnh phát hành và đơn vị thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của Công ty và cổ đông. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức phát hành: Đợt phát hành sẽ được bảo

lãnh bởi tổ chức bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của Công ty để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết.

- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính của Công ty và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa theo thông báo của Công ty.
- Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu BMJ tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chi số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá chi tiết về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, công bố trong Bản cáo bạch chào bán chứng khoán.

2. Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành như sau:

- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán đúng quy định pháp luật.
- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết như nội dung nêu tại mục 1. Để đảm bảo cho việc chào bán đạt kết quả cao nhất, Hội đồng quản trị có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho gia hạn thời gian chào bán theo quy định pháp luật liên quan.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu, tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Quyết định và thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đã nêu tại mục 1.

- Sau khi kết thúc đợt chào bán, thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ theo nội dung trên.
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác trong suốt quá trình phát hành (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt chào bán thành công.

3. Thông qua việc lưu ký, niêm yết bổ sung:

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 17: Thông qua Tờ trình số 13/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 về Đầu tư dự án bất động sản đô thị và bất động sản công nghiệp (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 18: Thông qua Tờ trình số 14/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 về Đầu tư hoặc bán tài sản, đầu tư dự án, các giao dịch khác.

Nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động Công ty và tính đến dự phòng các trường hợp phát sinh những vấn đề cần quyết định kịp thời thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được thực hiện các công việc sau:

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản, quyết định đầu tư dự án có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề: quyết định đầu tư và phát triển các dự án (nội dung dự án đầu tư như: tên dự án; mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện, tổng vốn đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động dự án...), triển khai các thủ tục pháp lý về dự án, lựa chọn đối tác, phương án kinh doanh, nguồn vốn thực hiện, các công việc khác theo yêu cầu dự án và quy định pháp luật.

- Thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 291, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Việc thông qua các nội dung và ủy quyền cho Hội đồng quản trị nêu trên có giá trị thực hiện từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến khi có quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông thay thế.

Các nội dung được nêu bên trên là những vấn đề cần được giải quyết kịp thời, nắm bắt cơ hội để không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

Điều 19: Thông qua Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021.

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021 là 3%/Lợi nhuận sau thuế trên cơ sở Báo cáo tài chính đã kiểm toán và được chi trả 1 lần sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ vào số trích thực tế, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chi trả cho từng thành viên.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

❖ **Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2018-2023):**

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Kết quả
1	NGUYỄN THỊ LOAN	5.816.260	Trúng cử

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung nhiệm kỳ III (2018-2023) ra mắt trước Đại hội.**

Hội đồng quản trị đã họp và thống nhất bầu ông **Ngô Anh Quân** giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày **29/3/2021**.

Điều 20: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đúng pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CBTT;
- Website: becamexbmj.com.vn;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

C.P * 9.

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

I. Tên, địa chỉ trụ sở chính; giấy phép đăng ký kinh doanh:

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP.**
- Địa chỉ trụ sở chính: 112/125, ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3700927878.

II. Thời gian và địa điểm họp:

- Thời gian họp: Bắt đầu lúc **7h15'**, ngày **28/3/2021**.
- Địa điểm họp: Becamex Hotel New City, B2, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

III. Thành phần tham dự:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị;
2. Các thành viên Ban Kiểm soát;
3. Ban Tổng giám đốc;
4. Các cổ đông công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;
5. Ứng cử viên bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023);
6. Các thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

IV. Nội dung đại hội:

1. Đại hội đã ông Hoàng Văn Anh – Trưởng Ban kiểm soát báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội với kết quả như sau:

- Số lượng cổ đông đủ điều kiện tham dự đại hội theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - CN TP.HCM chốt ngày 19/2/2021 là **137** cổ đông, tương đương **6.000.000** cổ phần chiếm **100%** vốn điều lệ.
- Số cổ đông và người được ủy quyền có mặt lúc Đại hội bắt đầu diễn ra là **62** người, nắm giữ **4.983.629** cổ phần, chiếm tỷ lệ **83,06%** vốn điều lệ.
- Số cổ đông vắng mặt là **75** cổ đông, nắm giữ **1.016.371** cổ phần, chiếm tỷ lệ **16,94%** vốn điều lệ.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, với số lượng cổ đông và người được ủy quyền dự họp như trên, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP đủ điều kiện tiến hành.

2. Đại hội biểu quyết thông qua 100% thành phần Chủ tọa đoàn, Tổ kiểm phiếu, Tổ bầu cử; giới thiệu Thư ký đại hội như sau:

Chủ tọa đoàn:

- Ông Phạm Xuân Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội.
- Ông Hoàng Văn Anh.
- Ông Võ Thành Tài.
- Ông Nguyễn Bảo Long.

Thư ký Đại hội:

- Bà Ngô Thị Minh Loan - Thư ký HĐQT.
- Bà Nguyễn Trần Trúc Linh - Nhân viên Phòng SXKD-TH.

Tổ kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Thanh Hữu - Kế toán trưởng Tổ trưởng.
- Ông Hà Đình Hùng - Nhân viên Phòng SXKD-TH Tổ viên.

Tổ bầu cử:

- Ông Nguyễn Minh Chí - Trưởng Phòng kỹ thuật Tổ trưởng.
- Ông Nguyễn Tuấn - Nhân viên Phòng kỹ thuật Tổ viên.

3. Đại hội biểu quyết thông qua 100% nội dung Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

4. Đại hội biểu quyết thông qua 100% Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

5. Đại hội đã nghe Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông qua các báo cáo, các tờ trình:

5.1 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

5.2 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

5.3 Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2020.

5.4 Tại Đại hội không có cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, cá nhân tự ứng cử, do đó Ban tổ chức đã trình bày nội dung và xin ý kiến biểu quyết thông qua:

Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023) và danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị là bà Nguyễn Thị Loan (CMND số: 281131728).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

5.5 Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

6. Các cổ đông tiến hành bầu cử.

7. Ông Võ Thành Tài - Đại diện Đoàn chủ tọa trình bày nội dung các Tờ trình trình Đại hội: Tờ trình về phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc; Tờ trình về phê duyệt Báo

cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020 (riêng phần “Chi trả cổ tức cho cổ đông (tỷ lệ 5%/vốn điều lệ)” thuộc mục phân phối lợi nhuận năm 2020 là 15.000.000.000 đồng); Tờ trình về phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021; Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; Tờ trình về thay đổi ngành nghề kinh doanh; Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Tờ trình về thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Tờ trình về thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Tờ trình về chuyển giao dịch cổ phiếu BMJ từ sàn UPCOM sang niêm yết tại sàn HOSE hoặc HNX; Tờ trình về chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ; Tờ trình về đầu tư dự án bất động sản đô thị và bất động sản công nghiệp; Tờ trình về đầu tư hoặc bán tài sản, đầu tư dự án, các giao dịch khác; Tờ trình về phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021.

8. Cổ đông thảo luận và phát biểu ý kiến:

Tại Đại hội, các cổ đông thống nhất với các Báo cáo và Tờ trình đã được trình bày và không có ý kiến thêm.

9. Ông Hoàng Văn Anh - Trưởng Ban kiểm soát báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông trước khi tiến hành biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình:

Tổng số cổ đông và người được ủy quyền trước khi tiến hành biểu quyết là 77 người, nắm giữ 5.833.941 cổ phần, chiếm tỷ lệ 97,23% vốn điều lệ.

10. Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình sau:

10.1 Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.2 Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.3 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2020.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.4 Thông qua Tờ trình “Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc”.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.5 Thông qua Tờ trình “Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2021”.

1. Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc với các chỉ tiêu chính như sau:

▪ Tổng doanh thu: 97.923.607.731 đồng

▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	25.136.722.329 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	21.612.081.790 đồng

2. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020:

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2020: 9.949.178.753 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2020: 21.612.081.790 đồng

Phân phối lợi nhuận như sau:

▪ Trích lập quỹ đầu tư phát triển (tỷ lệ 10%/LNST):	2.161.208.179 đồng
▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 5%/LNST):	1.080.604.089 đồng
▪ Chi trả cổ tức cho cổ đông (tỷ lệ 5%/Vốn điều lệ):	15.000.000.000 đồng
▪ Thù lao HĐQT, BKS, Tổ thư ký (tỷ lệ 3%/LNST)	648.362.454 đồng
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2021:	12.671.085.821 đồng

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.6 Thông qua Tờ trình “Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021”.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

▪ Tổng doanh thu	:	175.820.000.000 đồng.
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế	:	43.820.000.000 đồng.
▪ Lợi nhuận sau thuế	:	35.056.000.000 đồng.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

▪ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	:	10%/LNST.
▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	05%/LNST.
▪ Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền	:	≥ 10%/Vốn điều lệ.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.7 Thông qua Tờ trình “Lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021”.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 thuộc Danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.8 Thông qua Thay đổi ngành nghề kinh doanh theo nội dung Tờ trình số 06/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

10.9 Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo nội dung Tờ trình số 07/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

10.10 Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo nội dung Tờ trình số 08/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

10.11 Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số 09/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

10.12 Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo nội dung Tờ trình số 10/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

10.13 Thông qua việc chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP từ sàn UPCOM sang niêm yết tại sàn HOSE hoặc HNX, cụ thể:

1. Thông qua việc hủy giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP trên hệ thống giao dịch UPCOM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký niêm yết cổ phiếu BMJ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX):

- Tên cổ phiếu: cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Mã chứng khoán: BMJ
- Sàn giao dịch hiện tại: UPCOM
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký hủy giao dịch tại HNX: toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành và đăng ký giao dịch UPCOM
- Số lượng cổ phiếu niêm yết tại HOSE hoặc HNX: toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP tại thời điểm niêm yết.
- Thời gian: Dự kiến trong năm 2021 và sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị thực hiện hủy giao dịch cổ phiếu BMJ tại hệ thống giao dịch UPCOM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký niêm yết cổ phiếu BMJ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) cụ thể như sau:

- Tùy vào thời điểm thực hiện đăng ký niêm yết mà Hội đồng quản trị được quyền quyết định sẽ chọn đăng ký niêm yết tại HOSE hoặc HNX;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn niêm yết;
- Quyết định giá niêm yết phù hợp với hoạt động kinh doanh và giá thị trường;
- Lựa chọn thời điểm cụ thể thuận lợi để đăng ký niêm yết tại HOSE hoặc HNX;
- Quyết định các vấn đề khác mà pháp luật quy định và/hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, bao gồm cả việc thực hiện các thủ tục, ký hồ sơ liên quan theo quy định pháp luật để hoàn tất hủy giao dịch tại HNX và đảm bảo niêm yết thành công cổ phiếu BMJ trên HOSE hoặc HNX.

3. Nội dung được thông qua tại mục 1 và ủy quyền tại mục 2 nêu trên là không có thời hạn cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác thay thế.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.

- Không tán thành 0%.

- Không có ý kiến 0%.

10.14 Thông qua Tờ trình “Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ”.

1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu chào bán : 75.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán : 10.000 đồng/01 cổ phiếu.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 750.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua : 1:2,5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền mua, và cứ 1 quyền mua sẽ được mua thêm 2,5 cổ phiếu chào bán thêm).
- Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng chào bán : Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.

- Thời gian dự kiến chào bán : Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tiến hành trong thời hạn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng tối thiểu 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.
- Chào mua công khai: Đồng ý cho các nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị) lựa chọn khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai, kể cả trong các trường hợp sau:
 - Khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (tổ chức, cá nhân và người có liên quan dự kiến mua cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng; hoặc tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng dự kiến mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng).
 - Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.
- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị vốn dự kiến sử dụng
1	Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	450.000.000.000 đồng
2	Hợp tác phát triển bất động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên phạm vi cả nước	150.000.000.000 đồng
3	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm nhưng không giới	150.000.000.000 đồng

	hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, hợp đồng ký mới cho các nhà thầu, nhà cung cấp, ngân hàng, đối tác khác, phát triển hoạt động thi công xây dựng hạ tầng cơ sở, dân dụng,...)	
--	--	--

Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, Hội đồng quản trị quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành: Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng tỷ lệ dự kiến, Công ty sẽ có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán là cam kết bảo lãnh phát hành của tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị lựa chọn phương thức bảo lãnh phát hành và đơn vị thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của Công ty và cổ đông. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức phát hành: Đợt phát hành sẽ được bảo lãnh bởi tổ chức bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của Công ty để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính của Công ty và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa theo thông báo của Công ty.
- Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu BMJ tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chi số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận.

7/1/2024

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá chi tiết về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, công bố trong Bản cáo bạch chào bán chứng khoán.

2. Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành như sau:

- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán đúng quy định pháp luật.
- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết như nội dung nêu tại mục 1. Để đảm bảo cho việc chào bán đạt kết quả cao nhất, Hội đồng quản trị có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho gia hạn thời gian chào bán theo quy định pháp luật liên quan.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu, tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Quyết định và thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đã nêu tại mục 1.
- Sau khi kết thúc đợt chào bán, thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ theo nội dung trên.
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác trong suốt quá trình phát hành (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt chào bán thành công.

3. Thông qua việc lưu ký, niêm yết bổ sung:

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

10.15 Thông qua Tờ trình số 13/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 về Đầu tư dự án bất động sản đô thị và bất động sản công nghiệp (Đính kèm Tài liệu Đại hội).

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

10.16 Thông qua Tờ trình số 14/TTr-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2021 về Đầu tư hoặc bán tài sản, đầu tư dự án, các giao dịch khác.

Nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động Công ty và tính đến dự phòng các trường hợp phát sinh những vấn đề cần quyết định kịp thời thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được thực hiện các công việc sau:

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản, quyết định đầu tư dự án có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề: quyết định đầu tư và phát triển các dự án (nội dung dự án đầu tư như: tên dự án; mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện, tổng vốn đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động dự án...), triển khai các thủ tục pháp lý về dự án, lựa chọn đối tác, phương án kinh doanh, nguồn vốn thực hiện, các công việc khác theo yêu cầu dự án và quy định pháp luật.
- Thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 291, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Việc thông qua các nội dung và ủy quyền cho Hội đồng quản trị nêu trên có giá trị thực hiện từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến khi có quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông thay thế.

Các nội dung được nêu bên trên là những vấn đề cần được giải quyết kịp thời, nắm bắt cơ hội để không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản

trị sẽ thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

10.17 Thông qua Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021.

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021 là 3%/Lợi nhuận sau thuế trên cơ sở Báo cáo tài chính đã kiểm toán và được chi trả 1 lần sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ vào số trích thực tế, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chi trả cho từng thành viên.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

11. Tổ bầu cử công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2018-2023):

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Kết quả
1	NGUYỄN THỊ LOAN	5.816.260	Trúng cử

12. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung nhiệm kỳ III (2018-2023) ra mắt trước Đại hội.

Hội đồng quản trị đã họp và thống nhất bầu ông **Ngô Anh Quân** giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày **29/3/2021**.

13. Thư ký Đại hội đọc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đã biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

14. Thư ký Đại hội đọc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đã biểu quyết thông qua nội dung Nghị quyết.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100 %.
- Không tán thành 0%.
- Không có ý kiến 0%.

Ban tổ chức tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 9^h 25' cùng ngày./.

THƯ KÝ



Ngô Thị Minh Loan

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, tôi xin báo cáo trước Đại hội về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

1. Các cuộc họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 17 cuộc họp, các nội dung biểu quyết thông qua đều có tính thống nhất cao của tất cả thành viên Hội đồng quản trị.

Stt	Nội dung cuộc họp
1	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng giám đốc.
2	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
3	Miễn nhiệm và bổ nhiệm một số Người điều hành Công ty; Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
4	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
5	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 sau khi được cơ quan có thẩm quyền gia hạn.
6	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
7	Thông qua dự thảo chương trình, nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
8	Thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Tổng giám đốc.
9	Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
10	Thông qua việc tạm khóa tài khoản thanh toán để nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu.
11	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.
12	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
13	Thông qua kế hoạch chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
14	Điều chỉnh kế hoạch chi tiết phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Stt	Nội dung cuộc họp
15	Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền.
16	Thông qua việc vay vốn lưu động tại ngân hàng nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
17	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tích cực chỉ đạo, định hướng trên nguyên tắc cẩn trọng, linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Xây dựng và định hướng thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm.
- Chủ trì tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực quản trị và điều hành Công ty.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo phân công của Đại hội đồng cổ đông.
- Chỉ đạo chi trả cổ tức đúng thời hạn.
- Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính, tuân thủ các quy định về hoạt động khai thác khoáng sản là ngành nghề chính của Công ty.
- Xem xét, phê duyệt kịp thời các đề xuất về nâng cấp, đầu tư máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động khai thác, kinh doanh.

Vào ngày 25/02/2021, Hội đồng quản trị đã hoàn tất việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, với tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 240.000.000.000 đồng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc; đồng thời, sửa đổi vốn điều lệ tại bản Điều lệ Công ty thành 300 tỷ đồng. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa sử dụng số tiền thu được này theo phương án sử dụng vốn đã được thông qua do đó chưa thực hiện kiểm toán tình hình sử dụng vốn, Công ty sẽ báo cáo tình hình sử dụng vốn ở kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các người điều hành khác:

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Tổng giám đốc và các người điều hành khác trên nhiều phương diện nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển bền vững.

➤ Trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng giám đốc và Ban điều hành đã nỗ lực hết mình trong việc kiểm soát giá thành, giá bán cũng như công tác thu hồi công nợ. Đồng thời tăng công suất khai thác, sản lượng sản xuất và tiêu thụ so với kế hoạch.
- Các chỉ tiêu kinh doanh vượt kế hoạch đề ra, lợi nhuận sau thuế đạt **21.612.081.790 đồng**, tương đương 135% kế hoạch đề ra và tăng 41% so với năm 2019.

- Tổng tài sản là **161.214.586.964 đồng**, tăng 17% so với năm 2019; vốn chủ sở hữu là **99.338.440.249 đồng**, tăng 21% so với năm 2019.

➤ **Trong công tác quản trị doanh nghiệp:**

- Tổng giám đốc và Ban điều hành không ngừng tư duy sáng tạo, hoàn thiện đổi mới cách thức làm việc, các quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó tạo ra những phương pháp quy trình làm việc khoa học góp phần nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh.
- Hoạch định chiến lược rõ ràng làm kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của nhân viên Công ty.
- Kiểm soát toàn bộ tình hình tài chính, kịp thời phân tích, đánh giá để đưa ra các quyết định quan trọng trong công tác điều hành.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận, hoàn thiện chính sách cho người lao động.
- Kiểm soát chặt chẽ hàng hóa kết hợp nắm bắt nhu cầu cung ứng của khách hàng để đưa ra các phương án điều chỉnh trong sản xuất, bán hàng phù hợp.

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, Ban điều hành cần nâng cao hơn nữa năng lực quản lý, theo dõi sát sao và tăng tính dự báo, phân tích tình hình thị trường để đề ra những giải pháp tham mưu hiệu quả các vấn đề cấp bách cho Hội đồng quản trị.

4. Thù lao của Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua tổng thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 là 3% lợi nhuận sau thuế (459.076.798 đồng). Trong đó, thù lao của Hội đồng quản trị là 275.446.080 đồng.

- 5. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của thành viên HĐQT đã được báo cáo chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020.

II. Kế hoạch hoạt động năm 2021

Trên cơ sở kết quả kinh doanh năm 2020, dự báo những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông như sau:

DVT: Đồng

Stt	Nội dung	Dvt	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	Đồng	175.820.000.000
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	43.820.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	35.056.000.000
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền		≥10%/Vốn điều lệ

Để đạt được mục tiêu kế hoạch nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP đưa ra các định hướng, giải pháp thực hiện như sau:

- Đẩy mạnh hoạt động bán hàng, đa dạng hóa đối tượng khách hàng.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, giá thành, hoạt động khai thác, kết hợp nâng cao chất lượng sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh, khẳng định thương hiệu của Công ty trên thị trường vật liệu xây dựng trong khu vực.
- Nâng cao năng lực quản trị công ty, tìm hiểu và phát huy những công nghệ mới trong khai thác - sản xuất, cũng như áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý, điều hành nhằm đem lại kết quả tối ưu.
- Tăng cường mở rộng sản xuất tại địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận, tiếp tục xây dựng và triển khai công tác đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị nhằm đáp ứng mức công suất khai thác 800.000m³ đá nguyên khối/năm.
- Tham gia lĩnh vực thi công xây dựng hạ tầng cơ sở, dân dụng, kinh doanh Bất động sản với vai trò Chủ đầu tư các Dự án. Trước mắt, phát triển các Dự án Bất động sản tại tỉnh Bình Dương và sẽ tiếp tục phát triển các Dự án tại các tỉnh, thành khác trong khu vực Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
- Đề xuất tham gia hợp tác phát triển Bất động sản Công nghiệp với Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC Corp.) tại Bình Dương và các tỉnh, thành khác trên phạm vi cả nước.
- Nâng cao khả năng phân tích, dự báo tình hình thị trường trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động; chủ động nắm bắt cơ hội để đưa ra những chỉ đạo kịp thời, linh hoạt nhằm đạt được kế hoạch kinh đề ra.

Thay mặt Hội đồng quản trị tôi xin cảm ơn sự tin tưởng của các cổ đông, các đối tác đã cùng chúng tôi sát cánh trong năm qua. Đồng thời đánh giá cao sự đồng lòng, đoàn kết và nỗ lực hết mình của toàn thể công nhân viên Công ty.

Rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp và ủng hộ từ Quý vị cổ đông.

Trân trọng kính chào!

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN
MIỀN ĐÔNG
AHP
H. PHỤ GIÁO T. BÌNH DƯƠNG



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Kính thưa quý vị!

Thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP, tôi xin báo cáo trước Đại hội kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

Trải qua một năm đầy biến động và khó khăn của nền kinh tế xã hội nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã đem lại kết quả sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020
1	Sản xuất đá các loại	Tấn	701.729	731.291	917.247
2	Tiêu thụ đá các loại	Tấn	777.096	756.401	910.459
3	Tổng doanh thu	Đồng	78.469.040.923	81.626.729.045	97.923.607.731
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	16.519.767.167	19.222.349.886	25.136.722.329
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	13.119.352.391	15.302.559.920	21.612.081.790

Tổng tài sản năm 2020 là 161.214.586.964 đồng, vốn chủ sở hữu là 99.338.440.249 đồng.

Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (các loại thuế, phí, lệ phí) đúng theo quy định, với tổng số tiền là 22.128.655.272 đồng.

Tổng lao động Công ty tính đến 31/12/2020 là 72 người. Công nhân lao động là thành phần chiếm đa số trong nhân sự của Công ty do đặc thù môi trường làm việc của ngành khai thác khoáng sản. Do đó, Công ty luôn chú trọng đảm bảo đời sống, thực hiện các chính sách, chế độ cho người lao động.

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động, kỹ thuật an toàn về nổ mìn, kiểm định máy móc thiết bị kịp thời, đúng thời hạn theo quy định.

Thực hiện công tác đo vẽ hiện trạng khai thác, chất lượng môi trường, giám sát chấn động nổ mìn và lập các báo cáo định kỳ tháng, quý, năm nộp các cơ quan chức năng đúng quy định hiện hành.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Căn cứ tình hình thực tế trong năm 2021, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP thống nhất đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trình Đại hội như sau:

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	175.820.000.000
2	Tổng chi phí	132.000.000.000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	43.820.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	35.056.000.000

Để đạt được kế hoạch đề ra như trên, trong năm 2021 Ban Tổng giám đốc phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường, tiếp cận nhiều dự án để gia tăng sản lượng tiêu thụ.
- Nâng cao hơn nữa năng lực quản lý của Ban điều hành, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ công nhân viên; tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro xuyên suốt toàn bộ quá trình khai thác, sản xuất kinh doanh nhằm tối ưu hóa tất cả hoạt động, tiết kiệm chi phí hiệu quả.
- Tiếp tục quản lý chặt chẽ và tuân thủ quy định pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện đầu tư máy móc, thiết bị hiệu quả đáp ứng công suất khai thác của dự án đầu tư theo phê duyệt của Hội đồng quản trị. Đồng thời chú trọng công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, quản lý vật tư hiệu quả.
- Theo dõi sát tình hình thị trường, đánh giá đúng tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty, để chủ động báo cáo kịp thời, đầy đủ những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đề ra giải pháp hiệu quả, tham mưu kịp thời cho Hội đồng quản trị.

Trên đây là Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2021

**TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



(Handwritten signature in blue ink)
NGUYỄN BẢO LONG

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Thay mặt Ban kiểm soát (BKS), tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình và kết quả hoạt động của BKS trong năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Với nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các hoạt động chính như sau:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các nghị quyết Hội đồng quản trị theo đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định.
- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính.
- Kiểm tra công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm.
- Thực hiện và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác trong việc thực hiện và tuân thủ các quy định của pháp luật, của Công ty.

2. Thù lao của Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua tổng thù lao của Hội đồng quản trị, BKS năm 2019 là 3% lợi nhuận sau thuế (459.076.798 đồng). Trong đó, đã thực hiện chi trả thù lao của BKS là 128.541.504 đồng.

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và năm 2021, BKS tổ chức 3 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên và đã thống nhất các vấn đề sau:

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán.
- Thông qua Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2020 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên:

Tất cả Kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không giữ các chức vụ quản lý tại Công ty đồng thời có chuyên môn và kinh nghiệm kế toán do đó đã phát huy tốt năng lực của mình trong việc giám sát hoạt động tài chính Công ty.

Đã hoàn thành thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020.

Ngoài các cuộc họp trực tiếp định kỳ, BKS đã thường xuyên trao đổi, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đưa ra một số đề xuất góp phần cùng Hội đồng quản trị nâng cao công tác quản trị Công ty. Các thành viên BKS đều tích cực tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS, đại diện BKS tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị với tư cách quan sát viên.

II. Kết quả giám sát của Ban kiểm soát năm 2020

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai thực hiện đúng nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật.

Các vấn đề được thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị đều thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các quyết định Hội đồng quản trị đưa ra là định hướng quan trọng để Ban lãnh đạo đề ra các giải pháp kịp thời giải quyết các vấn đề quan trọng phát sinh trong hoạt động điều hành Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã tập trung giải quyết một số vấn đề chính sau: thông qua kế hoạch, chương trình, nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; Kiện toàn nhân sự; Chi trả cổ tức; Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính; Triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng...

2. Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và người điều hành khác:

Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị theo đúng chức năng và thẩm quyền, cụ thể là:

- Thực hiện trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi theo đúng tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.
- Triển khai thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và quy định hiện hành.

Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị nên việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị luôn được triển khai kịp thời và nhanh chóng.

Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, công việc được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt.

3. Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

BKS đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh; thẩm định các Báo cáo tài chính và thống nhất như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2020 được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc kiểm toán, đã thể hiện đầy đủ, rõ ràng, minh bạch, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty.
- Báo cáo tài chính đã được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan.
- Báo cáo tài chính được lập đầy đủ và kịp thời, các thông tin về tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các cổ đông, nhà đầu tư.
- Báo cáo tài chính năm 2020 không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.
- BKS thống nhất với nội dung của các Báo cáo tài chính trong năm 2020 của Công ty.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, sâu sát và Ban điều hành đã rất nỗ lực trong công tác bán hàng, kết hợp với nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, đem lại kết quả kinh doanh vượt kế hoạch. Tổng kết năm 2020, tổng doanh thu đạt **97.923.607.731 đồng**, lợi nhuận sau thuế **21.612.081.790 đồng**, tương đương 124% và 135% kế hoạch đề ra.

❖ Tài sản và nguồn vốn năm 2020:

ĐVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
I	Tổng tài sản	138.079.741.863	161.214.586.964
1	Tài sản ngắn hạn	76.260.294.089	97.263.189.755
2	Tài sản dài hạn	61.819.447.774	63.951.397.209
II	Tổng nguồn vốn	138.079.741.863	161.214.586.964
1	Nợ phải trả	56.272.779.315	61.876.146.715
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	81.806.962.548	99.338.440.249

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông:

- Năm 2020, BKS, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc tiếp tục duy trì phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật.

- BKS đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng vẫn đảm bảo tính độc lập trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
- BKS được mời tham dự hầu hết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban Tổng giám đốc và các phòng ban đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu, nghị quyết cũng như các báo cáo một cách kịp thời.
- Trong năm 2020, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị, văn bản nào từ phía cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

III. Kiến nghị

Để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, Ban Tổng giám đốc cần phải:

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, nỗ lực và linh hoạt hơn nữa trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, khắc phục những khó khăn, bám sát kế hoạch, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để mở rộng thị trường, tăng sản lượng tiêu thụ, tăng cường công tác thu hồi công nợ khách hàng.
- Nâng cao hiệu quả khai thác, quản lý nhân công, ca máy và các chi phí khác nhằm giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để BKS phát huy được vai trò và thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong năm 2021 và những năm tiếp theo.

Sau cùng, thay mặt BKS, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành, lời chúc sức khỏe tới Quý vị đại biểu và cổ đông tại Đại hội. Trên đây là Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



HOÀNG VĂN ANH

TỜ TRÌNH

Về việc **Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018-2023)**

Kính trình: ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Phạm Xuân Phương.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê chuẩn:

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Phạm Xuân Phương.
2. Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2018-2023) để đảm bảo đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Căn cứ Đơn tự ứng cử, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt bà Nguyễn Thị Loan (CMND số: 281131728) thuộc danh sách ứng cử viên HĐQT.

Trân trọng kính trình!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHẾ TỊCH

PHẠM XUÂN PHƯƠNG

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc

Kính trình: **ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 03/7/2020.

Hội đồng quản trị đã họp và ban hành Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Nguyễn Hải Đăng và bổ nhiệm Ông Nguyễn Bảo Long giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP kể từ ngày 03/7/2020.

Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc nêu trên.

Trân trọng kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
PHẠM XUÂN PHƯƠNG

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính trình: **ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc kiểm toán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28/6/2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP kính trình ĐHĐCĐ:

1. Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc với các chỉ tiêu chính như sau:

- | | |
|------------------------------|---------------------|
| ▪ Tổng doanh thu: | 97.923.607.731 đồng |
| ▪ Tổng lợi nhuận trước thuế: | 25.136.722.329 đồng |
| ▪ Lợi nhuận sau thuế: | 21.612.081.790 đồng |

2. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020:

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2020: 9.949.178.753 đồng

Lợi nhuận sau thuế năm 2020: 21.612.081.790 đồng

Phân phối lợi nhuận như sau:

- | | |
|--|---------------------|
| ▪ Trích lập quỹ đầu tư phát triển (tỷ lệ 10%/LNST): | 2.161.208.179 đồng |
| ▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 5%/LNST): | 1.080.604.089 đồng |
| ▪ Chi trả cổ tức cho cổ đông (tỷ lệ 5%/Vốn điều lệ): | 15.000.000.000 đồng |
| ▪ Thù lao HĐQT, BKS, Tổ thư ký (tỷ lệ 3%/LNST) | 648.362.454 đồng |

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2021: 12.671.085.821 đồng

Trân trọng kính trình!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỖ TỊCH

PHẠM XUÂN PHƯƠNG

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính trình: **ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ vào tình hình thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty; Dự báo những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- | | | |
|-----------------------------|---|-----------------------|
| ▪ Tổng doanh thu | : | 175.820.000.000 đồng. |
| ▪ Tổng lợi nhuận trước thuế | : | 43.820.000.000 đồng. |
| ▪ Lợi nhuận sau thuế | : | 35.056.000.000 đồng. |

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

Căn cứ vào kết quả kinh doanh dự kiến như trên, Hội đồng quản trị trình Đại hội phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

- | | | |
|---------------------------------------|---|--------------------|
| ▪ Trích lập quỹ đầu tư phát triển | : | 10%/LNST. |
| ▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | : | 05%/LNST. |
| ▪ Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền | : | ≥ 10%/Vốn điều lệ. |

Trân trọng kính trình!


PHẠM XUÂN PHƯƠNG

TỜ TRÌNH

**Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên
và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021**

Kính trình: ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

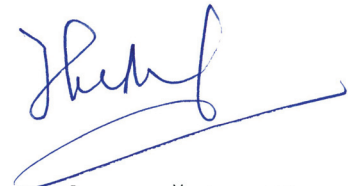
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Trong năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 thuộc Danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021.

Trân trọng kính trình!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



HOÀNG VĂN ANH

TỜ TRÌNH

Về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh

Kính trình: **ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua. Để đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sau:

1. Bổ sung phần “chi tiết” vào các mã ngành 4659, 2392, 4662, 4669, 2395 như sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm;- Sản xuất đá phiến và đá lát thềm không chịu lửa;- Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm sứ không chịu lửa như: Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp, ống khói bằng gốm...- Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung;- Sản xuất các đồ vật vệ sinh cố định làm bằng gốm. (Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường).	2392

3	<p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn quặng kim loại. - Bán buôn sắt, thép. - Bán buôn kim loại khác bao gồm: đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình. <p>(Trừ vàng miếng, trừ kim loại quý).</p>	4662
4	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua bán hóa chất công nghiệp và phụ gia bê tông xi măng (trừ hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế). - Bán buôn các loại khoáng sản phi kim loại như: đá, đất sét, cát, cao lanh, than bùn. - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. <p>(không chứa, phân loại, xử lý phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở chính).</p>	4669
5	<p>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất cốt bê tông cốt thép các loại; Sản xuất bê tông nhựa các loại; Sản xuất bê tông xi măng các loại; Sản xuất cấu kiện đúc sẵn; Sản xuất gạch không nung; Sản xuất gạch bê tông, gạch tự chèn, gạch block, gạch trồng cỏ, gạch terrazzo.</p>	2395

Bỏ mã ngành 4610 (Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa) ra khỏi danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty.

2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP tương ứng với nội dung như đã nêu tại mục 1.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm tiến hành các thủ tục để hoàn thành việc đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình!


PHẠM XUÂN PHƯƠNG

TỜ TRÌNH
Về việc **Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Kính trình: **ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Nhằm cập nhật các quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và căn cứ tình hình thực tế trong tổ chức, hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP theo Phụ lục đính kèm.

Trân trọng kính trình!


PHẠM XUÂN PHƯƠNG

**PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM TỜ TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Nhằm cập nhật các quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và căn cứ tình hình thực tế trong tổ chức, hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ như sau:

Stt	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	Điều 1. Định nghĩa	Điều 1. Định nghĩa	
	Không có nội dung này.	Bổ sung vào điểm a khoản 1 Điều 1 “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu (điểm b khoản 1 Điều 1).
	Điểm b khoản 1 Điều 1 b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010.	Điểm b khoản 1 Điều 1 b. “ <i>Luật Doanh nghiệp</i> ” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020. “ <i>Luật Chứng khoán</i> ” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (điểm c và d khoản 1 Điều 1).
	Điểm d khoản 1 Điều 1 d. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 22/6/2015.	Bỏ điểm d khoản 1 Điều 1	Bỏ vì không còn phù hợp.
	Không có nội dung này	Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 1 e. “ <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> ” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu (điểm h khoản 1 Điều 1).
	Điểm f khoản 1 Điều 1 f. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại	Điểm f khoản 1 Điều 1 f. “ <i>Người có liên quan</i> ” là cá nhân, tổ chức được quy định tại	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (điểm i

	khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.	khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	khoản 1 Điều 1).
	Điểm j khoản 1 Điều 1 j. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán.	Điểm j khoản 1 Điều 1 j. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (điểm m khoản 1 Điều 1).
	Không có nội dung này	Bổ sung điểm l khoản 1 Điều 1 l. “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu (điểm o khoản 1 Điều 1).
2	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần 8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 7 Điều 6).
3	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	
	Khoản 2 Điều 6 2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 2 Điều 6 2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2 Điều 7).
	Khoản 5 Điều 6 5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau: a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy; b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt	Khoản 5 Điều 6 5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 4 Điều 7).

	Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.		
4	Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 11. Quyền của cổ đông	
	Điểm a khoản 2 Điều 11 a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	Điểm a khoản 2 Điều 11 a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (điểm a khoản 1 Điều 12).
	Điểm f khoản 2 Điều 11 f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Điểm f khoản 2 Điều 11 f. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (điểm e khoản 1 Điều 12).
	Không có nội dung này	Bổ sung vào khoản 2 Điều 11 i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật; l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	Bổ sung theo Điều lệ mẫu (điểm i, k, l khoản 1 Điều 12).
	Khoản 3 Điều 11 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát	Khoản 3 Điều 11 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2 Điều 12).

<p>theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p>Không có nội dung này.</p>	<p>Bổ sung khoản 4 Điều 11</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được</p>	<p>Bổ sung theo Điều lệ mẫu (khoản 3 Điều 12).</p>

		quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
5	Không có nội dung này.	Bổ sung vào Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	Bổ sung theo Điều lệ mẫu (khoản 5 Điều 13).
6	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 14).

thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Bản Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d khoản 3 Điều 13 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định

	<p>đồng theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>7</p>	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; b. Báo cáo tài chính hằng năm; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua các báo cáo tài chính hằng năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; 	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; 	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 15).</p>

d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi bản Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

p. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 của Bản Điều lệ này nếu cổ đông đó hoặc những người có liên quan tới cổ đông

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 55% tổng giá

	<p>đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
8	<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người</p>	<p>Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 16).

	<p>đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp Luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p> <p>5. Mọi hạn chế của cổ đông là tổ chức đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.</p>	<p>(nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
<p>9</p>	<p>Khoản 1 Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm (65%) quyền biểu</p>	<p>Khoản 1 Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 1 Điều 17).</p>

	<p>quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có.....</p>	<p>bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có.....</p>	
10	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
	<p>Điểm a khoản 2 Điều 17</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điểm a khoản 2 Điều 17</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (điểm a khoản 2 Điều 18).</p>
	<p>Khoản 3 Điều 17</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư hoặc được gửi qua thư điện tử). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang</p>	<p>Khoản 3 Điều 17</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ hoặc được gửi qua thư điện tử). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 3 Điều 18).</p>

<p>thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu có); Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	<p>tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Phiếu biểu quyết; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	
<p>Khoản 4 Điều 17</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Khoản 4 Điều 17</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 4 Điều 18).</p>
<p>Khoản 5 Điều 17</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 17 này trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đề xuất không được gửi không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Bản 	<p>Khoản 5 Điều 17</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này; Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; 	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 5 Điều 18).</p> <p>Bổ sung theo Điều lệ mẫu (khoản 6 Điều 18).</p>

	<p>điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p>	<p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
11	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì đại hội phải được triệu tập lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p>	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết hoặc tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 19).
12	<p>Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội</p>	<p>Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội</p>	
	<p>Khoản 2 Điều 19</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ</p>	<p>Khoản 2 Điều 19</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (điểm a khoản 1 Điều 20).

	<p>biểu quyết, trên đó ghi họ và tên của cổ đông, số cổ phần sở hữu, mã cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Cách thức biểu quyết được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác]. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p>	
	<p>Khoản 4 Điều 19</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;</p>	<p>Khoản 4 Điều 19</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;</p>	<p>Bổ sung theo Điều lệ mẫu (điểm a khoản 2 Điều 20).</p>
	<p>Khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 19</p> <p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p> <p>8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các</p>	<p>Khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 Điều 19</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 20).</p>

hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

9. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

11. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ

	<p>12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>toạ điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
13	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
	<p>Khoản 2 Điều 20</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p>	<p>Khoản 2 Điều 20</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 và khoản 3 Điều này, khoản 8 Điều 21 Điều lệ này, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2 Điều 21).
		<p>Bổ sung khoản 4 Điều 20</p> <p>4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Bổ sung theo theo Điều lệ mẫu (khoản 3 Điều 21).
14	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
	<p>Khoản 1 Điều 21</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty. Và Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p>	<p>Khoản 1 Điều 21</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	Sửa đổi phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

<p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	<p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 55% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>h. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. 	
<p>Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 21</p> <p>2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh</p>	<p>Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 21</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 22)</p>

ngành hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có

giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm

các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

15	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
	<p>Khoản 1 Điều 22</p> <p>1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>.....</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>Khoản 1 Điều 22</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>.....</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>Bổ sung theo Điều lệ mẫu (điểm i khoản 1 Điều 23).</p>
	<p>Khoản 3 Điều 22</p> <p>3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Khoản 3 Điều 22</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2, 3, 4 Điều 23).</p>
16	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>Sửa đổi theo Điều</p>

	<p>đồng</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05 (năm) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc bản Điều lệ Công ty. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. 	<p>lệ mẫu (Điều 24)</p>
<p>17</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	
	<p>Khoản 2 Điều 24</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Khoản 2 Điều 24</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể:</p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% đến 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2 Điều 25).</p>

<p>Khoản 3 Điều 24</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Khoản 3 Điều 24</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 3 Điều 25).</p>
<p>Khoản 4 Điều 24</p> <p>4. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác; f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); 	<p>Khoản 4 Điều 24</p> <p>4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội 	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 1 Điều 25).</p>

	h. Các thông tin khác (nếu có).	đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	
	<p>Khoản 5, 6 Điều 24</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở Công ty; - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 5 Điều 24</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 4 Điều 26).
18	<p>Điều 25. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào 	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; 	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 27).

bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;

m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và bản Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho công ty;

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

	<p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>		
<p>19</p>	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại bản Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Khi cả Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.</p>	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 29).</p>

		<p>nghiên bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
20	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng nào sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;</p> <p>b. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát.</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản</p>	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 30).</p>

trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc bất kỳ những người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết nghị mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ một thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 33 và điểm b khoản 4 Điều 33 của Bản Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

10. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị trực

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty, và biết bản thân là người có lợi ích sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này có thể công bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Bản Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Bản Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy

định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ.

13. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

14. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu

	<p>trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại cuộc họp là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>15. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>		
21	<p>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 33).
22	<p>Điều 30. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	<p>Điều 30. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 34).

		<p>doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
23	<p>Điều 31. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>3. Quyền hạn và Nhiệm vụ: Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị về số lượng và các người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị để quyết định số lượng</p>	<p>Điều 31. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 35).</p>

	<p>người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>e. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ cho hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của bản Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.</p> <p>i. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.</p>	<p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, [Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị].</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	
24	Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Sửa đổi phù hợp Nghị định số

<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm</p>	<p>155/2020/NĐ-CP.</p>
---	---	------------------------

	<p>tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	
25	Điều 33. Kiểm soát viên	Điều 33. Kiểm soát viên	
	<p>Khoản 1 Điều 33</p> <p>1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ</p>	<p>Khoản 1 Điều 33</p> <p>1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2 Điều 37).

	<p>Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	<p>thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>c. Là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty.</p>	
	<p>Khoản 2 Điều 33</p> <p>2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>.....</p>	<p>Khoản 2 Điều 33</p> <p>2.Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>.....</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 1 Điều 38).</p>
	<p>Khoản 4 Điều 33</p> <p>4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Khoản 4 Điều 33</p> <p>4.Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2 Điều 36).</p>
26	<p>Điều 34. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p>	<p>Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 39).</p>

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHCĐ.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

h. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

k. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

m. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

n. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

o. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

4. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở

	lên dự họp.		
27	<p>Khoản 1 Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền trực tiếp, hoặc qua luật sư, hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó; xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p>Điều 38. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 1 Điều 49)
28	<p>Điều 40. Phân phối lợi nhuận</p>	<p>Điều 40. Phân phối lợi nhuận</p>	
	<p>Khoản 5 Điều 40</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>Khoản 5 Điều 40</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 4 Điều 51)

	<p>Khoản 6 Điều 40</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>Khoản 6 Điều 40</p> <p>6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 5 Điều 51)
29	<p>Khoản 3 Điều 44. Chế độ kế toán</p> <p>1. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>Khoản 3 Điều 44. Chế độ kế toán</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 3 Điều 54).
30	<p>Khoản 1 Điều 45. Báo cáo hàng năm</p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được ĐHCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>Khoản 1 Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 1 Điều 55).
31	<p>Điều 47. Kiểm toán</p>		
	<p>Khoản 2 Điều 47</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo kế toán năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.</p>	<p>Bỏ nội dung này</p>	Bỏ vì Điều lệ mẫu không quy định.
	<p>Khoản 3 Điều 47</p> <p>3. Bản sao của Báo cáo Kiểm toán được gửi đính kèm với báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>Khoản 3 Điều 47</p> <p>3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2 Điều 57).

32	<p>Khoản 1 Điều 48. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 48. Dấu của Công ty</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 1, 2 Điều 58).
33	<p>Khoản 2 Điều 54. Ngày hiệu lực</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>2.1. 01 bản nộp tại phòng công chứng nhà nước của địa phương.</p> <p>2.2. 05 Bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.</p> <p>2.3. 04 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty</p>	<p>Khoản 2 Điều 54. Ngày hiệu lực</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2 Điều 64).

TỜ TRÌNH

Về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính trình: **ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Nhằm cập nhật các quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và căn cứ tình hình thực tế trong tổ chức, hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP theo Phụ lục đính kèm.

Trân trọng kính trình!


HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
PHẠM XUÂN PHƯƠNG

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM TỜ TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Nhằm cập nhật các quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ mẫu được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và căn cứ tình hình thực tế trong tổ chức, hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty như sau:

Stt	Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>Khoản 1 Điều 2</p> <p>1. Chữ viết tắt</p> <p>Quy chế nội bộ về quản trị công ty : Quy chế Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex : Công ty Ủy ban chứng khoán Nhà nước : UBCKNN Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội : HNX Trung tâm lưu ký chứng khoán : TTLKCK Đại hội đồng cổ đông : ĐHĐCĐ Hội đồng quản trị : HĐQT Ban kiểm soát : BKS Kiểm soát viên : KSV Luật Doanh nghiệp năm 2014 : Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>Khoản 1 Điều 2</p> <p>1. Chữ viết tắt</p> <p>Quy chế nội bộ về quản trị công ty : Quy chế Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP : Công ty Ủy ban chứng khoán Nhà nước : UBCKNN Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội : HNX Trung tâm lưu ký chứng khoán : TTLKCK Đại hội đồng cổ đông : ĐHĐCĐ Hội đồng quản trị : HĐQT Ban kiểm soát : BKS Kiểm soát viên : KSV Luật Doanh nghiệp năm 2020 : Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p>
	<p>Khoản 3 Điều 2</p> <p>3. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán năm 2006.</p>	<p>Khoản 3 Điều 2</p> <p>3. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (điểm i khoản 1).</p>
2	<p>Không có nội dung này.</p>	<p>Bổ sung Điều 3.1. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Bổ sung theo yêu cầu của</p>

	<p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty,</p>	<p>mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>
--	---	--

- kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động

		<p>Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>3</p>	<p>Khoản 2 Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>Công ty gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến đến TTLCKĐ đồng thời công bố thông tin cho UBCKNN, HNX chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Khoản 2 Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>Công ty gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến đến TTLCKĐ đồng thời công bố thông tin cho UBCKNN, HNX chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Quy chế CBTT của HNX</p>
<p>4</p>	<p>Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư hoặc được gửi qua thư điện tử). Đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, UBCKNN, HNX.</p> <p>2. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV nếu đã xác định được trước ứng viên; - Thẻ biểu quyết; 	<p>Điều 5. Thông báo, thẩm quyền triệu tập, điều kiện tiến hành, hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ hoặc được gửi qua thư điện tử).</p> <p>2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>Sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Điều 143) và Điều lệ mẫu (khoản 3 Điều 18).</p>

- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
6. Điều kiện tiến hành Đại hội:
- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết hoặc tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
 - c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại

		<p>hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>d. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ công ty.</p> <p>7. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Luật Doanh nghiệp</p>
<p>5</p>	<p>Khoản 2 Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu nhận được khi đăng ký tham dự</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. - Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. - Các giấy tờ cần được mang đến cuộc họp để kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được ghi rõ trong thư mời họp. 	<p>Khoản 2 Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu nhận được khi đăng ký tham dự</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	
<p>6</p>	<p>Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy 	<p>Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ 	<p>Sửa đổi theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp.</p>

	định tại khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.	
7	Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Khoản 1 Điều 11 1. Cuộc họp ĐHCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: - - Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Khoản 1 Điều 11 1. Cuộc họp ĐHCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: - - Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	Sửa đổi theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
	Khoản 2 Điều 11 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Khoản 2 Điều 11 Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Sửa đổi theo Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
8	Điều 13. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Và Hội đồng quản trị có thể tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề sau: a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;	Điều 13. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau: a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; b. Định hướng phát triển công ty;	Sửa đổi phù hợp với hình hoạt động của Công ty và Luật Doanh

<p>b. Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty. <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức</p>	<p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 55% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>h. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ
---	--

<p>hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. <i>Gửi thư</i>: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. <i>Gửi fax hoặc thư điện tử</i>: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; - Các vấn đề đã được thông qua; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. - Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác. <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng</p>	<p>pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ</p>
--	---

<p>mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi mốt (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p>lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 26)</p>
<p>Điều 14. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của</p>	<p>Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp</p>	<p>9</p>

<p>Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p> <p>c. Thành viên HĐQT Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 5 công ty khác.</p> <p>2. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng</p>	<p>quản công việc.</p> <p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty.</p> <p>3. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</p> <p>4. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được</p>
---	---

		<p>trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 2 Điều 25)</p>
<p>10</p>	<p>Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>- Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Điều 15. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể:</p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.</p> <p>- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế</p>	

		<p>hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 29)</p>
<p style="text-align: center;">11</p>	<p>Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp; - Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở Công ty; - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; - Theo quyết định của ĐHQĐ; <p>2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHQĐ.</p>	<p>Điều 17. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	
<p style="text-align: center;">12</p>	<p>Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHQĐ và công bố tới thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHQĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực</p>	<p>Điều 19. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tới thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Sửa đổi theo Điều lệ mẫu (Điều 25)</p>

	<p>nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác; - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có). 	<p>một cách trung thực, cân trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 	<p>Bổ sung theo yêu cầu của mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Bổ sung phù hợp Điều lệ mẫu (Điều 30)</p>
<p>13</p>	<p>Bổ sung vào Điều 20. Thông báo họp Hội đồng quản trị Không có nội dung này.</p>	<p>Bổ sung vào Điều 20. Hợp Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. - Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Có đề nghị của Ban kiểm soát; + Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; + Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; + Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. <p>Đề nghị nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề</p>	

		<p>ngợi thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	
14	<p>Khoản 1 Điều 24. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. - Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. 	<p>Khoản 1 Điều 24. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. - Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 	<p>Sửa đổi phù hợp Luật Doanh nghiệp 2020 (Điều 158)</p>

Điều 26. Tiêu chuẩn kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 26. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện, tiền lương và quyền lợi khác của kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - Là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty.
2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
 - Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 - Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp (Điều 169, Điều 172), Điều lệ mẫu (Điều 37)

Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên và cách thức giới thiệu ứng viên thành viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên BKS được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm KSV. Thông tin liên quan đến ứng viên BKS được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ KSV, các chức danh quản lý khác;

Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên và cách thức giới thiệu ứng viên thành viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên BKS được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm KSV. Thông tin liên quan đến ứng viên BKS được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

Sửa đổi
phù hợp
Luật
Doanh
nghiệp
2020
(khoản 5
Điều
155),
Điều lệ
mẫu
(Điều 12,
khoản 1
Điều 36)

	<ul style="list-style-type: none"> - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác); - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; <p>Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).</p>	
17	<p>Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp; <p>.....</p>	<p>Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp; <p>.....</p>	Sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020 (Điều 174)
18	<p>Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tiêu chuẩn Tổng giám đốc <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 2014. - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty. 	<p>Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Tiêu chuẩn Tổng giám đốc <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. - Tổng giám đốc phải là người có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp. - Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. - Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. 	Sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020 (Điều 162)

19	<p>Điều 52. Điều khoản thi hành</p> <p>-</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế này gồm 9 chương 52 điều được ĐHQĐ Công ty Cổ phần Becamex nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. - Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14. - Quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2019. - Quy chế quản trị công ty Công ty Cổ phần Bé tông Becamex được ban hành kèm theo Nghị quyết định của HĐQT số 06/2013/NQ-HĐQT ngày 18/7/2013 hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành. <p>Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT./.</p>	<p>Điều 52. Điều khoản thi hành</p> <p>-</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế này gồm 9 chương 53 điều được ĐHQĐ Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP nhất trí thông qua ngày .../...../2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. - Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. <p>Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT./.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp cơ cấu văn bản, thực tế của Công ty.</p>
-----------	---	--	---

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Nhằm đảm bảo đáp ứng quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP theo nội dung bản Dự thảo đính kèm tờ trình này.

Trân trọng kính trình!

**H. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC TỊCH**

PHẠM XUÂN PHƯƠNG

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 3 đến 5 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ

nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi

nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Nhằm đảm bảo đáp ứng quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP theo nội dung bản Dự thảo đính kèm tờ trình này.

Trân trọng kính trình!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



HOÀNG VĂN ANH

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP bao gồm các nội dung sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)****Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- f) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên

trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TỜ TRÌNH

Về việc chuyển giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP từ sàn Upcom sang niêm yết tại sàn HOSE hoặc HNX

Kính trình: **ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP xem xét và thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc hủy giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP trên hệ thống giao dịch UPCOM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký niêm yết cổ phiếu BMJ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX):
 - Tên cổ phiếu: cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
 - Mã chứng khoán: BMJ
 - Sàn giao dịch hiện tại: UPCOM
 - Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu đăng ký hủy giao dịch tại HNX: toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành và đăng ký giao dịch UPCOM
 - Số lượng cổ phiếu niêm yết tại HOSE hoặc HNX: toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP tại thời điểm niêm yết.
 - Thời gian: Dự kiến trong năm 2021 và sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị thực hiện hủy giao dịch cổ phiếu BMJ tại hệ thống giao dịch UPCOM thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký niêm yết cổ phiếu BMJ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) cụ thể như sau:
 - Tùy vào thời điểm thực hiện đăng ký niêm yết mà Hội đồng quản trị được quyền quyết định sẽ chọn đăng ký niêm yết tại HOSE hoặc HNX;
 - Lựa chọn đơn vị tư vấn niêm yết;

- Quyết định giá niêm yết phù hợp với hoạt động kinh doanh và giá thị trường;
 - Lựa chọn thời điểm cụ thể thuận lợi để đăng ký niêm yết tại HOSE hoặc HNX;
 - Quyết định các vấn đề khác mà pháp luật quy định và/hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, bao gồm cả việc thực hiện các thủ tục, ký hồ sơ liên quan theo quy định pháp luật để hoàn tất hủy giao dịch tại HNX và đảm bảo niêm yết thành công cổ phiếu BMJ trên HOSE hoặc HNX.
3. Nội dung được thông qua tại mục 1 và ủy quyền tại mục 2 nêu trên là không có thời hạn cho đến khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác thay thế.

Trân trọng kính trình!


PHẠM XUÂN PHƯƠNG

TỜ TRÌNH

Về việc Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ

Kính trình: ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán chứng khoán chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như sau:

1. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP
- Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu chào bán : 75.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán : 10.000 đồng/01 cổ phiếu.
- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 750.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua : 1:2,5 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền mua, và cứ 1 quyền mua sẽ được mua thêm 2,5 cổ phiếu chào bán thêm).
- Hình thức chào bán : Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Đối tượng chào bán : Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.

- Thời gian dự kiến chào bán : Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu được tiến hành trong thời hạn quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có): Trường hợp có phát sinh số cổ phiếu lẻ thì sẽ được hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (nếu có): Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu không mua hết cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu và số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng tối thiểu 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, trừ trường hợp số cổ phiếu này được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành.
- Chào mua công khai: Đồng ý cho các nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị) lựa chọn khi thực hiện mua số cổ phần không phân phối hết cho các cổ đông hiện hữu sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai, kể cả trong các trường hợp sau:
 - Khi khối lượng mua vượt tỷ lệ quy định về chào mua công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (tổ chức, cá nhân và người có liên quan dự kiến mua cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng; hoặc tổ chức, cá nhân và người có liên quan nắm giữ từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng dự kiến mua tiếp dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu đạt hoặc vượt mức 35%, 45%, 55%, 65%, 75% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 công ty đại chúng).
 - Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.
- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Stt	Phương án sử dụng vốn	Giá trị vốn dự kiến sử dụng
1	Dự án nhà ở tại thị xã Bến Cát và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	450.000.000.000 đồng
2	Hợp tác phát triển bất động sản công nghiệp tại tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên phạm vi cả nước	150.000.000.000 đồng

3	Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, hợp đồng ký mới cho các nhà thầu, nhà cung cấp, ngân hàng, đối tác khác, phát triển hoạt động thi công xây dựng hạ tầng cơ sở, dân dụng,...)	150.000.000.000 đồng
---	--	----------------------

Căn cứ tình hình cụ thể của Công ty và số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành, Hội đồng quản trị quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn và cân đối, điều chỉnh số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu trên cơ sở đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án phát hành: Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng tỷ lệ dự kiến, Công ty sẽ có phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán là cam kết bảo lãnh phát hành của tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị lựa chọn phương thức bảo lãnh phát hành và đơn vị thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của Công ty và cổ đông. Nguyên tắc lựa chọn tổ chức phát hành: Đợt phát hành sẽ được bảo lãnh bởi tổ chức bảo lãnh phát hành theo quy định pháp luật với cam kết nhận mua toàn bộ cổ phiếu của Công ty để bán lại hoặc mua số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục đăng ký đặt mua tại trụ sở chính của Công ty và nộp tiền đặt mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa theo thông báo của Công ty.
- Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu BMJ tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chỉ số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá chi tiết về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến phát hành và báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, công bố trong Bản cáo bạch chào bán chứng khoán.

2. Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành như sau:

- Quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu, thời điểm và tiến độ chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.
- Quyết định việc sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung chi tiết phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bao gồm cả việc chủ động điều chỉnh, bổ sung, giải trình tất cả hồ sơ liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan quản lý khác (nếu có) nhằm hoàn thành đợt chào bán đúng quy định pháp luật.
- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết như nội dung nêu tại mục 1. Để đảm bảo cho việc chào bán đạt kết quả cao nhất, Hội đồng quản trị có thể xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho gia hạn thời gian chào bán theo quy định pháp luật liên quan.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phiếu, tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Quyết định và thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đã nêu tại mục 1.
- Sau khi kết thúc đợt chào bán, thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc cần thiết để thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ theo nội dung trên.
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.
- Chủ động quyết định và triển khai thực hiện các công việc khác trong suốt quá trình phát hành (nếu phát sinh) để đảm bảo đợt chào bán thành công.

3. Thông qua việc lưu ký, niêm yết bổ sung:

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua nội dung nêu trên.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM XUÂN PHƯƠNG

TỜ TRÌNH

Về việc Đầu tư dự án bất động sản đô thị và bất động sản công nghiệp

Kính trình: **ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua đầu tư “**Dự án bất động sản đô thị và bất động sản công nghiệp**” như sau:

a. Quy mô Dự án:

- + Sản phẩm: - Nhà chung cư cao tầng (phân khúc trung cấp)
- Nhà thấp tầng

+ Tổng mức đầu tư dự kiến cho một dự án: tối đa không quá 2.500 tỷ đồng.

+ Tổng diện tích khu đất nghiên cứu Dự án Bất động sản Đô thị: Từ 0,7 ha trở lên.

+ Tổng diện tích khu đất nghiên cứu Dự án Bất động sản Công nghiệp: Từ 60 ha trở lên.

b. Vị trí địa lý:

+ Bất động sản đô thị: Thành, thị, huyện thuộc địa bàn tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước.

+ Bất động sản công nghiệp: Tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trên cả nước.

c. Diện tích căn hộ: từ 60 m² đến 100 m².

d. Diện tích nhà liền kề: Từ 60 m² đến 480 m².

e. Doanh thu Dự kiến Bất động sản đô thị: Từ 850 đến 2.700 tỷ đồng.

f. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế: Đạt tối thiểu 14% doanh thu.

g. Thời gian phát triển Dự án trong năm 2021. Bất động sản đô thị đầu tư và kinh doanh từ 2022 đến 2024; Bất động sản công nghiệp đầu tư từ 2022 trở đi.

h. Nguồn vốn: Vốn tự có, vốn vay và vốn huy động từ khách hàng.

i. Hình thức đầu tư: Tự đầu tư, M&A hoặc hợp tác đầu tư liên doanh, liên kết, góp vốn thành lập pháp nhân mới làm chủ đầu tư.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Phê duyệt chủ trương đầu tư các Dự án với các nguyên tắc nêu từ mục a đến mục i nêu tại tờ trình này.
- Toàn quyền quyết định việc triển khai các nội dung đầu tư của các Dự án nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc liên quan đến các Dự án như sau: Quyết định đầu tư và phát triển Dự án (điều chỉnh quy mô Dự án, chức năng công trình, tổng mức đầu tư,...); Quyết định các vấn đề liên quan đến Dự án; Triển khai các thủ tục pháp lý, thủ tục giải phóng mặt bằng hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lựa chọn thiết kế, lựa chọn đối tác hợp tác, nhà thầu, đơn vị tài trợ, phương án vay, quyết định phương án kinh doanh, giá bán sản phẩm, quản lý Dự án,...; Các công việc khác theo yêu cầu của Dự án và của pháp luật.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua nội dung nêu trên.

Trân trọng!

**PHẠM XUÂN PHƯƠNG**

Bình Dương, ngày 28 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc Đầu tư hoặc bán tài sản, đầu tư dự án, các giao dịch khác

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động Công ty và tính đến dự phòng các trường hợp phát sinh những vấn đề cần quyết định kịp thời thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền, phân công cho Hội đồng quản trị được thực hiện các công việc sau:

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản, quyết định đầu tư dự án có giá trị từ 55% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề: quyết định đầu tư và phát triển các dự án (nội dung dự án đầu tư như: tên dự án; mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện, tổng vốn đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động dự án...), triển khai các thủ tục pháp lý về dự án, lựa chọn đối tác, phương án kinh doanh, nguồn vốn thực hiện, các công việc khác theo yêu cầu dự án và quy định pháp luật.
- Thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 291, khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Việc thông qua các nội dung và ủy quyền, phân công cho Hội đồng quản trị nêu trên có giá trị thực hiện từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến khi có quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông thay thế.

Các nội dung được nêu bên trên là những vấn đề cần được giải quyết kịp thời, nắm bắt cơ hội để không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định của Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật.

Trân trọng kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CHỦ TỊCH
PHẠM XUÂN PHƯƠNG

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021

Kính trình: ĐHĐCĐ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MIỀN ĐÔNG AHP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP;

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2020 là 3%/Lợi nhuận sau thuế.

Hội đồng quản trị đề xuất số tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổ thư ký năm 2021 là 3%/Lợi nhuận sau thuế trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và được chi trả 01 lần sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ vào số trích thực tế, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chi trả cho từng thành viên.

Trân trọng kính trình!



PHẠM XUÂN PHƯƠNG